TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2020/HNGĐ-PT
Ngày: 16/11/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Bà Trần Thị Hà

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:41/2020/TLPT- HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình và con chung.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lãnh Văn L, sinh năm 1989 (có mặt).

Trú quán: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang .

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đồng Duy C - Văn phòng luật sư Đ - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: chị Thân Thị T, sinh năm 1996 (có mặt).

Trú quán: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn chị Thân Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp tại Toà án cũng như tại phiên toà nguyên đơn anh Lãnh Văn L trình bày:

Anh và chị Thân Thị T được tìm hiểu tự nguyện hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 19/9/2016. Sau ngày cưới chị T về gia đình anh làm dâu và sống chung cùng anh tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc. Đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau, mỗi người một ý không bảo được nhau, không tôn trọng và quan tâm đến nhau nữa dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay không quan hệ tình cảm gì nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh có nguyện vọng xin ly hôn chị Thân Thị T.

-Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung là cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh làm ruộng, vườn rừng và làm thêm nghề sửa chữa xe máy mức thu nhập từ 07 triệu đồng đến 09 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Anh không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án bị đơn chị Thân Thị T trình bày:

Chị và anh Lãnh Văn L được tìm hiểu tự nguyện và đã có thai, khi có thai gia đình anh L không chấp nhận muốn chị phải đi phá thai, nhưng chị không đi phá thai rồi về bên nhà mẹ đẻ sinh con, sau hai bên gia đình mới tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 19/9/2016. Sau ngày cưới chị về gia đình nhà chồng làm dâu và sống chung cùng anh L tại thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang thời gian đầu tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc.

Sau một thời gian xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình nhiều lần can thiệp, hoà giải khuyên bảo vợ chồng sống có trách nhiệm với nhau xong cũng không cải thiện được. Khoảng đầu năm 2019, sau khi chị sinh cháu thứ hai, khoảng 1 đến 2 tháng anh L thường xuyên cùng bạn bè đi săn bắn chim, thú rừng rồi về ăn uống đến nửa đêm, để một mình chị chăm sóc hai con nhỏ. Đầu năm 2020 (trước Tết âm lịch) mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, từ tháng 3/2020 chị đã về bên nhà ngoại ở và cũng ly thân nhau từ đó cho đến nay không quan hệ tình cảm gì nữa, nay anh L xin ly hôn chị nhất trí.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 người con chung là cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018, hiện cả hai cháu đang ở cùng với anh L và bố mẹ chồng trông nom, chăm sóc các cháu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị đang đi làm Công ty mức thu nhập từ 09 đến 10 triệu đồng trên tháng.

-Về tài sản: Tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ, không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Với nội dung trên, bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; Điều 171; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lãnh Văn L. Xử:

1. Về hôn nhân:Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 cho anh Lãnh Văn L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018, cho chị Thân Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2020.

Sau khi ly hôn anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không đề cập nên không đặt ra xem xét.

3. **Về** tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp, công sức và công nợ: Không đề cập giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4.Về Án phí: Anh Lãnh Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2019/0001228, ngày 17/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 07/7/2020, chị Thân Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên về phần giải quyết con chung. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Vì hai con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Lãnh Văn L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị thân Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Thân Thị T trình bầy: Chị kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị được nuôi hai con chung. Lý do: sau khi bản án sơ thẩm xử giao mỗi người nuôi một con anh L nuôi cháu K nhưng anh L cản trở chị thăm con, các cháu còn nhỏ chị nuốn các cháu được ở cùng nhau, chơi với nhau, không chia rẽ tình cảm. Khi chị có thai với anh L, gia đình anh L bắt chị phá thai nếu chị phá thai thì anh L không có còn con để tranh chấp với chị. Hiện nay chị đang làm ở Công ty Đ Bắc Ninh, thu nhập từ 9 triệu đồng đến 10 triệu đồng/tháng. Chị đang thuê nhà trọ, đi làm thì chị gửi con nhà trẻ. Nếu được nuôi hai con chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị

không đồng ý với ý kiến của Luật sư bảo vệ cho anh L và trình bầy của anh L. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của chị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L và anh L trình bầy:Anh L không đồng ý kháng cáo của chị T. Bản án sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử là có căn cứ và thấu tình đạt lý. Do vậy, kháng cáo của chị T là không có căn cứ. Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty Đ Bắc Ninh, phải thuê nhà trọ, thu nhập từ 9 đến 10 triệu đồng/ tháng, nếu giao một con chung cho chị T nuôi còn đảm bảo nuôi con tốt, nếu giao hai con chung cho chị T nuôi không đảm bảo sự phát triển của các con. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Anh L có chỗ ở, việc làm ổn định làm nghề sửa chữa xe máy có thu nhập, ở Huyện L nhà nào cũng có vườn, bãi mức thu nhập cao, ngoài ra anh L còn có sự hỗ trợ của bố mẹ anh L. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh bắc Giang tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luậttố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của đương sự tại phiên tòa đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Không chấp nhận kháng cáo của chị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Thân Thị T nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian. Đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Anh L và chị T cũng sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 đến nay. Anh L khởi kiện xin ly hôn chị Thân Thị T, chị T đồng ý. Bản án sơ thẩm xử Công nhận thuận tình ly hôn giữu anh L và chị T. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về con chung: Anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T có 02 người con chung là Cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 và cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018. Sau khi xét xử sơ thẩm cháu K đang ở cùng với anh L, cháu N đang ở cùng chị T. Bản án sơ thẩm xử giao cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 cho anh Lãnh Văn L nuôi dưỡng. Giao cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018, cho chị Thân Thị T nuôi dưỡng. Chị Thân Thị T kháng cáo.

Xét kháng cáo của chị T. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty Đ Bắc Ninh, thu nhập từ 09 triệu đồng đến 10 triệu đồng/tháng, chị phải thuê nhà trọ để ở, theo chị T trình bầy: chị làm 20 ngày/tháng, được nghỉ 10 ngày và làm theo ca và cũng có lúc phải làm ca đêm và phải gửi con ở nhà trẻ, nếu giao hai con chung cho chị T nuôi thì không đảm bảo thời gian cũng như điều kiện trông nom, chăm sóc các con. Anh L hiện sửa chữa xe máy thu nhập ổn định từ 7 đến 9 triệu đồng/ tháng, làm gần nhà và hiện anh đang ở cùng bố mẹ anh, có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện của các bên để giao mỗi người nuôi một con chung là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không đưa ra được căn cứ nào chứng minh anh L không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Giao cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 cho anh Lãnh Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Thân Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T có quyền thăm nom con không ai được cản trở chị T và anh L thực hiện quyền này.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm: không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo của chị T không được chấp nhận chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án. Chị Thân Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Thân Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 148; Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về nuôi chung: Giao cháu Lãnh Gia K, sinh ngày 19/8/2016 cho anh Lãnh Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lãnh Gia N, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Thân Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 9/2020.

Anh Lãnh Văn L và chị Thân Thị T có quyền thăm nom con không ai được cản trở anh L, chị T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Thân Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu dự phí số: AA/2019/0001447, ngày 08/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện L;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền